

**BỘ CÔNG THƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 231/BC-BCT

Hà Nội, ngày 13 tháng 9 năm 2024

## **BÁO CÁO**

### **Đánh giá tác động của chính sách**

**trong dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 10/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại**

## **I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

### **1. Bối cảnh xây dựng chính sách**

#### **1.1. Bối cảnh quốc tế, khu vực liên quan đến các chính sách**

Trước bối cảnh hiện nay, các quốc gia trên thế giới khi tham gia vào quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đều phải thực hiện cam kết cắt giảm những rào cản thương mại để hàng hóa có thể lưu thông một cách tối đa qua biên giới các nước. Tính đến hết tháng 8 năm 2024, Việt Nam đã ký kết, thực thi và đang đàm phán tổng cộng 19 Hiệp định thương mại tự do (Free Trade Agreement - FTA). Trong đó, 16 FTA đã ký kết và thực thi, 01 FTA đang trong giai đoạn kết thúc quá trình đàm phán và 02 FTA đang đàm phán. Trong số các FTA đã có hiệu lực và đang triển khai, Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Châu Âu (EVFTA) là 02 FTA thế hệ mới đầu tiên mà Việt Nam tham gia. Điều này một mặt mở rộng thị trường, đem lại lợi thế cạnh tranh cho hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam song cũng tiềm ẩn nhiều nguy cơ rủi ro về thương mại như gian lận nguồn gốc xuất xứ, chuyển tải hàng hóa bất hợp pháp, lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại (PVTM).

Các FTA truyền thống và FTA thế hệ mới đều đã có điều khoản cam kết về PVTM. Trong số đó, với những FTA gần đây, chúng ta đều có những cam kết vượt khỏi mức cam kết trong WTO (WTO+), đặc biệt là lĩnh vực PVTM. Hầu hết các FTA đều có mục tiêu xóa bỏ hầu hết rào cản đối với thương mại và hạn chế hoặc không áp dụng các biện pháp PVTM. Tuy nhiên, việc loại bỏ rào cản thuế quan trong FTA đòi hỏi phải áp dụng các biện pháp PVTM, vì các ngành sản xuất trong nước vẫn tiếp tục cần được bảo vệ khi cạnh tranh với hàng nhập khẩu. Ngoài các biện pháp PVTM truyền thống như thuế chống bán phá giá (CBPG), chống trợ cấp (CTC) và tự vệ, những hình

thức mới như chống gian lận xuất xứ và lẫn tránh biện pháp PVTM đang có xu hướng được nước ngoài sử dụng nhiều hơn để bảo vệ cho các ngành sản xuất trong nước.

Bên cạnh đó, sự thay đổi chính sách pháp luật về PVTM của những đối tác thương mại lớn của Việt Nam như Hoa Kỳ, EU, Canada, Úc... cho thấy công cụ PVTM ngày càng biến đổi đa dạng, phức tạp nhằm mục đích tối cao là bảo hộ nền sản xuất nội địa. Các quốc gia đều đang nắm bắt xu hướng nội luật hóa chính sách pháp luật về PVTM của mình một cách chặt chẽ, phù hợp với bối cảnh hội nhập sâu rộng như một công cụ để bảo vệ sản xuất trong nước, đẩy mạnh xuất khẩu tới các thị trường nước ngoài.

Do đó, việc hoàn thiện khung khổ pháp luật, thể chế cũng như các chính sách, chương trình, đề án, cơ chế phối hợp về PVTM trong tình hình mới là yêu cầu cấp thiết để bảo vệ nền kinh tế, doanh nghiệp, thị trường trong nước phù hợp với các cam kết quốc tế, đồng thời nâng cao hiểu biết, năng lực của các doanh nghiệp, hiệp hội về công cụ PVTM, đề ra chiến lược và cơ chế phối hợp nhằm ứng phó hiệu quả với các vụ việc PVTM.

## **1.2. Bối cảnh trong nước (chính trị, pháp lý, kinh tế - xã hội...) liên quan đến các chính sách**

Trong những năm qua, thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế, cùng với việc chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam đã từng bước hội nhập vững chắc vào kinh tế khu vực và kinh tế toàn cầu. Theo đó, Việt Nam đã và đang mở cửa mạnh thị trường nội địa cho hàng hóa từ nhiều nước đối tác theo các FTA mà Việt Nam đã ký kết. Song song với việc quy mô ngoại thương tăng trưởng nhanh chóng, việc bảo vệ cho hàng hóa sản xuất nội địa khi hàng nhập khẩu tràn vào Việt Nam và hỗ trợ các doanh nghiệp khi xuất khẩu ra thị trường nước ngoài là rất cần thiết. Vì vậy, nhiều văn bản pháp luật và chính sách đã được ban hành trong thời gian vừa qua như: Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12/6/2017; Nghị định số 10/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp PVTM; Quyết định số 824/QĐ-TTg ngày 4/7/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tăng cường quản lý nhà nước về chống lẫn tránh biện pháp PVTM và gian lận xuất xứ; Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 31/12/2019 của Chính phủ về một số biện pháp cấp bách nhằm tăng cường quản lý nhà nước về phòng chống gian lận xuất xứ, chuyển tải hàng hóa bất hợp pháp; Quyết định số 316/QĐ-TTg ngày 01/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Xây dựng và vận hành hiệu quả Hệ thống cảnh báo sớm về PVTM; Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 02/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ

phê duyệt Đề án Nâng cao năng lực về PVTM trong bối cảnh tham gia các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

Ngày 15 tháng 01 năm 2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 10/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật QLNT về các biện pháp PVTM (sau đây gọi tắt là Nghị định 10/2018/NĐ-CP). Nghị định 10/2018/NĐ-CP đã hợp nhất quy định tại một Nghị định các biện pháp PVTM thay vì các quy định riêng rẽ như trước đây<sup>1</sup>.

Kể từ khi Nghị định 10/2018/NĐ-CP được ban hành tính đến hết tháng 8 năm 2024, Việt Nam đã khởi xướng điều tra, áp dụng 29 vụ việc PVTM, trong đó có 20 vụ việc CBPG, 01 vụ việc CTC, 06 vụ việc tự vệ và 02 vụ việc chống lẩn tránh biện pháp PVTM, tăng thu cho ngân sách nhà nước khoảng 1,5 nghìn tỷ mỗi năm. Điều này cho thấy Việt Nam đã và đang phát huy vai trò của các biện pháp PVTM như một công cụ để bảo đảm môi trường thương mại công bằng nhằm ngăn chặn tác động tiêu cực của hàng nhập khẩu đến sản xuất trong nước và lao động, việc làm, bảo đảm an ninh kinh tế và an sinh xã hội.

Một trong những nhiệm vụ quan trọng, đặt nền móng cho công tác PVTM là hoàn thiện hệ thống pháp luật về PVTM để bảo đảm đồng bộ, thống nhất với các cam kết quốc tế, phù hợp với các FTA thế hệ mới và bảo đảm lợi ích của nền kinh tế trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế; nâng cao nhận thức, năng lực về PVTM của các bộ, ngành, địa phương, hiệp hội, cộng đồng doanh nghiệp và đội ngũ tư vấn pháp lý; củng cố cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương và hiệp hội trong lĩnh vực PVTM; sử dụng hiệu quả các quy định về PVTM để bảo vệ sản xuất trong nước và lợi ích người tiêu dùng.

Đối với công tác kháng kiện, cho đến hết tháng 8 năm 2024, đã có 254 vụ việc PVTM được điều tra, áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam ra các nước trên thế giới. Chỉ tính riêng 05 năm gần đây, các vụ việc chủ yếu tại các thị trường trọng điểm như Hoa Kỳ, Ấn Độ, Thổ Nhĩ Kỳ và EU khiến một số mặt hàng xuất khẩu phải chịu mức thuế cao, ảnh hưởng đến kim ngạch xuất khẩu cả ngành hàng, ảnh hưởng đến công ăn, việc làm của hàng triệu lao động và gây tác động lớn đến chính sách xuất nhập khẩu, suy giảm lợi thế là quốc gia xuất khẩu hàng đầu trong khu vực của Việt Nam. Tính từ đầu năm 2020 đến nay, dù hoạt động thương mại bị đình trệ do dịch Covid-19 nhưng số vụ khởi xướng điều tra liên quan đến PVTM tăng lên đáng kể, Việt Nam đang phải ứng phó với 90 vụ việc. Một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực, quan

---

<sup>1</sup> Các Nghị định số 150/2003/NĐ-CP ngày 8 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh về tự vệ trong nhập khẩu hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam, Nghị định số 90/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Chống bán phá giá hàng nhập khẩu vào Việt Nam và Nghị định số 89/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh chống trợ cấp đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam.

trọng của Việt Nam như thủy sản (tôm, cá tra, cá basa), sắt, thép, nhôm, gỗ, mật ong, dệt may, nông sản... đều đứng trước nguy cơ bị điều tra, áp dụng biện pháp PVTM.

Qua quá trình tổng kết, rà soát sau hơn 06 năm thực thi, nhiều quy định về thủ tục điều tra, rà soát, áp dụng các biện pháp PVTM trong Nghị định 10/2018/NĐ-CP còn nhiều bất cập, đồng thời cũng có nhiều nội dung chưa phù hợp với các quy định của WTO. Ngoài ra, nhiều nội dung quan trọng về quy trình điều tra chưa được quy định hoặc chưa có hướng dẫn chi tiết dẫn đến khó khăn cho cơ quan thực thi và xuất hiện nhiều khó khăn trong quá trình điều tra các vụ việc PTVM. Xuất phát từ thực tiễn và vướng mắc nêu trên, việc xây dựng một Nghị định mới thay thế Nghị định 10/2018/NĐ-CP của Chính phủ là hết sức cần thiết.

## **2. Mục tiêu xây dựng chính sách**

### **2.1. Mục tiêu tổng thể**

- Hoàn thiện thể chế, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các văn bản pháp luật có liên quan và bảo đảm sự phù hợp với các chủ trương, định hướng lớn của Đảng, Chính phủ.

- Khắc phục những bất cập, tháo gỡ những tồn tại, vướng mắc trong thực tiễn xử lý, giải quyết các vụ việc PVTM.

- Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, thành phần hồ sơ và tối ưu hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin.

### **2.2. Mục tiêu cụ thể**

- Rà soát, sửa đổi một số nội dung còn bất cập về quy trình thủ tục điều tra, rà soát cuối kỳ các biện pháp CBPG, CTC, tự vệ và lẫn tránh biện pháp PVTM đã phát sinh trong thực tiễn điều tra và bảo đảm tuân thủ đúng quy định của WTO. Đồng thời, bổ sung các quy định còn thiếu hoặc chưa được quy định chi tiết về trình tự thủ tục điều tra tại các biện pháp nêu trên.

- Quy định rõ về vai trò của từng đơn vị, cơ quan quản lý nhà nước, hiệp hội ngành hàng trong quá trình xây dựng phương án yêu cầu bồi thường, trả đũa khi thương nhân Việt Nam bị nước nhập khẩu điều tra áp dụng biện pháp tự vệ.

- Góp phần thực hiện chủ trương chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước đã đề ra, phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên và tạo tiền đề pháp lý để hội nhập sâu, rộng hơn trong giai đoạn tới. Bảo đảm thực thi đúng, đầy đủ các cam kết quốc tế và điều ước quốc tế liên quan tới nội dung PVTM.

## II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

### 1. Chính sách 1: Các quy định chung và quy định về điều tra, áp dụng và rà soát biện pháp CBPG, CTC

#### 1.1. Xác định vấn đề và mục tiêu giải quyết vấn đề

Hiện tại, Nghị định 10/2018/NĐ-CP đã có quy định liên quan đến quy trình, thủ tục điều tra áp dụng biện pháp CBPG, CTC, tuy nhiên thực tiễn triển khai điều tra, áp dụng các biện pháp CBPG, CTC trong thời gian qua đã cho thấy một số bất cập liên quan đến nội dung này. Các quy định hiện tại liên quan tới các vấn đề về hồ sơ, công bố kết luận điều tra, áp thuế hồi tố... hiện chưa được quy định rõ ràng, cụ thể gây khó khăn cho Cơ quan điều tra (CQĐT) cũng như các bên liên quan trong quá trình điều tra.

Đặc biệt đối với vấn đề chọn mẫu điều tra, thực tế điều tra cho thấy số lượng các vụ việc điều tra ngày càng nhiều, số lượng các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu tham gia vào vụ việc là rất lớn trong khi nguồn lực của CQĐT còn hạn chế, dẫn tới khó khăn trong việc phải điều tra, tính toán biên độ bán phá giá cho toàn bộ các doanh nghiệp trả lời bản câu hỏi điều tra. Vì vậy quy định rõ về nội dung, thủ tục và phương pháp chọn mẫu điều tra sẽ giúp CQĐT áp dụng phương pháp này hợp lý, phù hợp.

Do đó, cần sửa đổi bổ sung nội dung liên quan đến các vấn đề dưới đây để làm rõ về quy trình, trình tự và phương pháp áp dụng nhằm phù hợp với quy định của WTO và thực tiễn điều tra:

(i) Quy định về hồ sơ yêu cầu điều tra áp dụng biện pháp CBPG và CTC: Thực tiễn việc tiếp nhận hồ sơ, thẩm định hồ sơ đề nghị điều tra áp dụng biện pháp CBPG và CTC của ngành sản xuất trong nước cho thấy việc quy định chưa rõ ràng về thời kỳ cung cấp số liệu về lượng hàng hóa nhập khẩu, số liệu về thiệt hại của ngành sản xuất trong nước trong hồ sơ đề nghị điều tra dẫn tới việc các thông tin bằng chứng chưa rõ ràng. Do đó, cần bổ sung thêm quy định liên quan tới thời kỳ cung cấp thông tin dữ liệu tại hồ sơ yêu cầu điều tra áp dụng biện pháp CBPG và CTC, cụ thể là đối với tình hình nhập khẩu hàng hóa thì thời kỳ cung cấp là ít nhất 03 năm trước khi nộp hồ sơ và với việc phân tích, đánh giá thiệt hại thì trong thời kỳ ít nhất 03 năm trước khi nộp Hồ sơ hoặc kể từ khi ngành sản xuất trong nước bắt đầu hoạt động trong trường hợp ngành sản xuất trong nước có thời gian hoạt động ít hơn 03 năm.

(ii) Quy trình xử lý, chọn mẫu doanh nghiệp khi tiến hành điều tra: Bổ sung một số điều khoản quy định về thời điểm gửi bản câu hỏi về lượng và giá trị để làm cơ sở chọn mẫu điều tra; bổ sung quy định về tiêu chí và phương pháp chọn mẫu điều tra;

bổ sung quy định về phương pháp xác định mức thuế CBPG khi thực hiện chọn mẫu điều tra.

(iii) Quy định cụ thể về điều kiện, tiêu chí áp dụng thuế CBPG, CTC có hiệu lực trở về trước: Quy định hiện hành tại Điều 45 Nghị định 10/2018/NĐ-CP chưa quy định một cách rõ ràng về điều kiện để xem xét áp dụng thuế CBPG, CTC có hiệu lực trở về trước, cụ thể là về cơ sở và căn cứ thực hiện việc so sánh và đánh giá sự gia tăng nhập khẩu. Vì vậy cần bổ sung quy định về các điều kiện, tiêu chí cho việc áp dụng này.

(iv) Bổ sung quy định về trường hợp ban hành, công bố kết luận điều tra sơ bộ, kết luận điều tra cuối cùng của vụ việc để bảo đảm tính khách quan, công bằng nhằm tạo điều kiện cho các bên liên quan tiếp cận thông tin trong trường hợp có áp dụng biện pháp PVTM tạm thời.

*Mục tiêu giải quyết vấn đề:*

Làm rõ một số nội dung còn vướng mắc, bất cập trong Nghị định 10/2018/NĐ-CP để công tác điều tra, áp dụng, rà soát biện pháp CBPG, CTC được bảo đảm rõ ràng, minh bạch, quy trình thủ tục rõ ràng, thống nhất với các quy định pháp luật có liên quan và bổ sung một số trường hợp quy định cụ thể mà Nghị định 10/2018/NĐ-CP chưa đề cập đến.

**1.2. Các giải pháp và đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan**

**Phương án 1:**

Giữ nguyên quy định tại Nghị định 10/2018/NĐ-CP.

- *Đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách:* Doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa vào Việt Nam; Doanh nghiệp sản xuất hàng hóa của Việt Nam; Doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh liên quan đến hàng hóa bị đề nghị điều tra; Người tiêu dùng hàng hóa bị đề nghị điều tra.

- *Đối tượng khác chịu sự tác động của chính sách:* CQĐT, các cơ quan liên quan của Bộ Công Thương trực tiếp thực hiện công tác điều tra, áp dụng và rà soát biện pháp CBPG, CTC. Các cơ quan trực thuộc Chính phủ, chính quyền, các cơ quan ban ngành địa phương...

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật*

+ Tác động tích cực: Không có tác động tích cực nếu chọn giải pháp này.

+ Tác động tiêu cực: Nhà nước ban hành thêm các văn bản pháp quy để khắc phục những bất cập còn tồn tại.

- *Tác động về kinh tế - xã hội*

+ Tác động tích cực: Không làm phát sinh chi phí nghiên cứu sửa đổi, bổ sung.

+ Tác động tiêu cực: Khó khăn cho CQĐT cũng như các bên liên quan trong quá trình điều tra, xử lý vụ việc.

- *Tác động về thủ tục hành chính*: Giải pháp này không làm phát sinh thủ tục hành chính.

- *Tác động về giới*: Giải pháp này không có tác động về giới.

### **Phương án 2:**

Sửa đổi, bổ sung các quy định về quy trình thủ tục điều tra, áp dụng biện pháp CBPG, CTC tại Nghị định 10/2018/NĐ-CP.

- *Đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách*: Doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa vào Việt Nam; Doanh nghiệp sản xuất hàng hóa của Việt Nam; Doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh liên quan đến hàng hóa bị đề nghị điều tra; Người tiêu dùng hàng hóa bị đề nghị điều tra.

- *Đối tượng khác chịu sự tác động của chính sách*: CQĐT, các cơ quan liên quan của Bộ Công Thương trực tiếp thực hiện công tác điều tra, áp dụng và rà soát biện pháp CBPG, CTC. Các cơ quan trực thuộc Chính phủ, chính quyền, các cơ quan ban ngành địa phương...

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật*

+ Tác động tích cực: Hoàn thiện hệ thống pháp luật về PVTM bảo đảm thống nhất, đồng bộ, phù hợp thông lệ quốc tế; Bảo đảm tính kế thừa, ổn định và nhất quán trong chính sách. Đồng thời, phương án này cũng giúp minh bạch hóa, quy định rõ ràng về quy trình thủ tục điều tra, áp dụng biện pháp CBPG, CTC.

+ Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực nếu chọn giải pháp này.

- *Tác động về kinh tế - xã hội*

+ Tác động tích cực: có thể giúp giải quyết những tồn tại, bất cập nêu trên. Tạo thuận lợi và có hướng dẫn cụ thể rõ ràng cho các ngành sản xuất trong nước trong việc nộp hồ sơ yêu cầu, áp dụng và rà soát biện pháp CBPG, CTC.

+ Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực nếu chọn giải pháp này.

- *Tác động về thủ tục hành chính*: Giải pháp này không làm phát sinh thủ tục hành chính.

- *Tác động về giới*: Giải pháp này không có tác động về giới.

### ***1.3. Lựa chọn giải pháp***

Qua phân tích đánh giá các tác động của chính sách, mặt tích cực và tiêu cực của các giải pháp, Bộ Công Thương đề xuất lựa chọn Phương án 2: sửa đổi, bổ sung Nghị định 10/2018/NĐ-CP để hoàn thiện hành lang pháp lý đối với việc điều tra, áp dụng và rà soát các biện pháp CBPG, CTC đối với hàng hóa nước ngoài nhập khẩu vào Việt Nam và hàng hóa Việt Nam xuất khẩu sang nước ngoài.

## **2. Chính sách 2: Các quy định về điều tra, áp dụng và rà soát biện pháp tự vệ**

### ***2.1. Xác định vấn đề và mục tiêu giải quyết vấn đề***

Thực tiễn điều tra và áp dụng các biện pháp tự vệ đã cho thấy nhiều quy định của ta chưa đầy đủ và phù hợp với các quy định trong Hiệp định tự vệ của WTO. Bên cạnh đó, trong quá trình đi đến kết thúc đàm phán một số hiệp định của FTA thế hệ mới hiện nay, phía bạn đã từng nhiều lần yêu cầu ta công nhận và phải có đối xử tương đương đối với vấn đề công nhận nước đang phát triển, chậm phát triển khi tiến hành điều tra, áp dụng biện pháp tự vệ. Chính vì vậy, việc xem xét sửa đổi một số nội dung liên quan đến quy trình điều tra, và áp dụng biện pháp tự vệ là rất cần thiết, cụ thể như sau:

Khoản 2, Điều 15 quy định: “*Danh sách nước kém phát triển, đang phát triển do CQĐT xác định dựa trên cơ sở dữ liệu đáng tin cậy*”.

Thực tiễn điều tra cho thấy xuất hiện tình trạng lợi dụng yếu tố này để lẩn tránh thuế PVTM do được loại trừ theo danh sách các nước kém phát triển hoặc đang phát triển như: trường hợp lẩn tránh thuế đã xảy ra với vụ SG04 (Malaysia, Kazakhstan) và SG06 (Jordan, Morocco). Trong thực tế, Bộ Công Thương đã từng ban hành quyết định sửa đổi danh sách này trong vụ việc SG04, SG06.

Ngoài ra, trong một số FTA thế mới mà ta đã và đang đàm phán, phía bạn đã yêu cầu ta phải xem xét công nhận và phải có đối xử tương đương như phía bạn đối với vấn đề công nhận nước đang phát triển, chậm phát triển khi tiến hành điều tra, áp dụng biện pháp tự vệ. Tuy nhiên, các quy định của Nghị định 10/2018/NĐ-CP chưa có điều khoản này để CQĐT có căn cứ xem xét và kiến nghị.

Về quy trình, thủ tục điều tra áp dụng biện pháp tự vệ, Khoản 2, Điều 54 Nghị định 10/2018/NĐ-CP quy định: “*Trường hợp Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định áp dụng biện pháp tự vệ chính thức thông qua hạn ngạch nhập khẩu, hạn ngạch thuế quan thì thực hiện như sau:*



1. Khối lượng, số lượng hạn ngạch nhập khẩu, hạn ngạch thuế quan không được thấp hơn khối lượng, số lượng nhập khẩu trung bình của 03 năm gần nhất có số liệu nhập khẩu, trừ khi CQĐT có lập luận, chứng cứ rõ ràng rằng cần có khối lượng, số lượng hạn ngạch nhập khẩu thấp hơn để ngăn ngừa hoặc khắc phục thiệt hại nghiêm trọng, đe dọa gây thiệt hại nghiêm trọng.

2. Bộ Công Thương thực hiện việc phân bổ hạn ngạch giữa các nước xuất khẩu căn cứ thị phần tính theo tổng khối lượng, số lượng hàng hóa của các nước xuất khẩu vào Việt Nam trong 03 năm gần nhất có số liệu nhập khẩu và có tính đến các yếu tố đặc biệt ảnh hưởng đến hoạt động thương mại hàng hóa”.

Theo Điều 5.2(b) của Hiệp định Tự vệ (SGA): Một thành viên có thể không tuân theo các quy định tại khoản a của Mục 2 Điều này (Tức là lượng quota phân bổ có thể không chia theo tỷ lệ % của tổng lượng nhập khẩu) nếu:

- Đã tổ chức tham vấn với các nước xuất khẩu hàng hóa bị điều tra, dưới sự giám sát của Ủy ban tự vệ;

- Lượng nhập khẩu từ một vài nước có sự gia tăng không cân đối so sánh với tổng lượng gia tăng hàng hóa nhập khẩu bị điều tra trong thời kỳ 03 năm đã nêu trên;

- Cơ sở của việc đưa ra phương pháp phân bổ này được dựa trên các cơ sở chính đáng;

- Các điều kiện được xem xét để đưa ra phương pháp phân bổ này phải công bằng với tất cả các quốc gia xuất khẩu hàng hóa bị áp dụng biện pháp tự vệ.

Do đó, quy định về hạn ngạch chưa đầy đủ trong trường hợp một quốc gia có thể áp dụng một lượng hạn ngạch thấp hơn bình quân 03 năm gần nhất hoặc phân bổ lượng hạn ngạch cho từng quốc gia không theo thị phần bình quân trong 03 năm gần nhất so với quy định của Hiệp định tự vệ của WTO và bổ sung cho phù hợp với SGA.

Ngoài ra, thực tiễn điều tra đã phát hiện nhiều bất cập hoặc thiếu các quy định về thời kỳ điều tra, xác định hàng hóa tương tự, rà soát giữa kỳ, rà soát cuối kỳ. Trường hợp sau khi thẩm định Hồ sơ yêu cầu, CQĐT nhận thấy chưa có đủ chứng cứ về việc hàng hóa nhập khẩu quá mức vào Việt Nam gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng của ngành sản xuất trong nước, Bộ Công Thương cần ban hành quyết định không tiến hành điều tra. Do đó, cần bổ sung quy định ban hành Quyết định trong dự thảo Nghị định để bảo đảm tính pháp lý của Quyết định được ban hành.

*Mục tiêu giải quyết vấn đề:*

Làm rõ một số nội dung còn vướng mắc, bất cập trong Nghị định 10/2018/NĐ-CP để công tác điều tra, áp dụng, rà soát biện pháp tự vệ được bảo đảm rõ ràng, minh

bạch, quy trình thủ tục rõ ràng, thống nhất với các quy định pháp luật có liên quan và bổ sung một số trường hợp quy định cụ thể mà Nghị định 10/2018/NĐ-CP chưa đề cập đến.

## **2.2. Các giải pháp và đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan**

### **Phương án 1:**

Giữ nguyên quy định tại Nghị định 10/2018/NĐ-CP.

- *Đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách*: Doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa vào Việt Nam; Doanh nghiệp sản xuất hàng hóa của Việt Nam; Doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh liên quan đến hàng hóa bị đề nghị điều tra; Người tiêu dùng hàng hóa bị đề nghị điều tra.

- *Đối tượng khác chịu sự tác động của chính sách*: CQĐT, các cơ quan liên quan của Bộ Công Thương trực tiếp thực hiện công tác điều tra, áp dụng, và rà soát biện pháp tự vệ.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật*

+ Tác động tích cực: Không có tác động tích cực nếu chọn giải pháp này.

+ Tác động tiêu cực: Chưa phù hợp với quy định WTO. Nhà nước ban hành thêm các văn bản pháp quy để khắc phục những bất cập còn tồn tại, bổ sung quy định hướng dẫn cụ thể trong quá trình thực thi.

- *Tác động về kinh tế - xã hội*

+ Tác động tích cực: Không làm phát sinh chi phí nghiên cứu sửa đổi, bổ sung.

+ Tác động tiêu cực: Khó khăn cho CQĐT cũng như các bên liên quan trong quá trình điều tra, xử lý vụ việc.

- *Tác động về thủ tục hành chính*: Giải pháp này không làm phát sinh thủ tục hành chính.

- *Tác động về giới*: Giải pháp này không có tác động về giới.

### **Phương án 2:**

Sửa đổi, bổ sung các quy định về quy trình thủ tục điều tra, áp dụng biện pháp tự vệ tại Nghị định 10, cụ thể như sau:

a) Về Hồ sơ yêu cầu và tiến hành điều tra áp dụng biện pháp tự vệ

(i) *Quy định rõ nội dung đối với hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ; Căn cứ tiến hành điều tra; Quyết định không tiến hành điều tra áp dụng biện pháp tự vệ; Thời*

kỳ điều tra xác định thiệt hại; Bản câu hỏi điều tra áp dụng biện pháp tự vệ. Làm rõ việc xác định thế nào là hàng hóa tương tự và thế nào là hàng hóa cạnh tranh trực tiếp.

(ii) Quy định rõ việc xác định thiệt hại nghiêm trọng của ngành sản xuất trong nước hoặc đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng của ngành sản xuất trong nước. Đồng thời, quy định cụ thể về việc xác định mối quan hệ nhân quả giữa việc hàng hóa nhập khẩu quá mức vào Việt Nam với thiệt hại nghiêm trọng của ngành sản xuất trong nước hoặc đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất trong nước.

b) Về áp dụng biện pháp tự vệ

Sửa đổi, bổ sung quy định về: “Danh sách nước kém phát triển, đang phát triển do CQĐT xác định dựa trên cơ sở dữ liệu đáng tin cậy” để phù hợp với thực tiễn điều tra và các cam kết trong các FTA mà Việt Nam đã và sắp ký kết trong thời gian tới.

Bổ sung các yêu cầu cụ thể đối với quy định về áp dụng biện pháp hạn ngạch nhập khẩu, hạn ngạch thuế quan trong trường hợp muốn áp dụng một lượng hạn ngạch thấp hơn bình quân 03 năm gần nhất hoặc phân bổ lượng hạn ngạch cho từng quốc gia không theo thị phần bình quân trong 03 năm gần nhất.

c) Về rà soát biện pháp tự vệ

(i) Bổ sung quy định đối với căn cứ tiến hành rà soát giữa kỳ; Bên nộp hồ sơ đề nghị rà soát giữa kỳ; Quy định cụ thể về nội dung thẩm định hồ sơ yêu cầu rà soát giữa kỳ; Nội dung rà soát, quyết định về kết quả rà soát giữa kỳ và trường hợp rà soát giữa kỳ trong trường hợp CQĐT tự khởi xướng.

(ii) Sửa đổi và bổ sung quy định liên quan đến hồ sơ rà soát và nội dung rà soát cuối kỳ. Nội dung rà soát cuối kỳ cần đánh giá xem việc tiếp tục biện pháp tự vệ có cần thiết hay không để ngăn chặn hoặc khắc phục thiệt hại nghiêm trọng của ngành sản xuất trong nước.

(iii) Quy định rõ các điều khoản liên quan đến việc thông báo tiếp nhận hồ sơ, thời hạn nộp hồ sơ, căn cứ và nội dung thẩm định hồ sơ yêu cầu rà soát, quyết định điều tra rà soát và bản câu hỏi điều tra rà soát cuối kỳ.

(iv) Bổ sung thêm quy định về hồ sơ yêu cầu rà soát phạm vi hàng hóa, quy định cụ thể về quy trình, thủ tục rà soát phạm vi hàng hóa bao gồm: đối tượng nộp hồ sơ yêu cầu, nội dung thẩm định hồ sơ yêu cầu, quyết định điều tra rà soát, bản câu hỏi điều tra rà soát phạm vi hàng hóa.

Sửa đổi, bổ sung các quy định về quy trình thủ tục điều tra, áp dụng biện pháp tự vệ tại Nghị định 10/2018/NĐ-CP có thể giúp giải quyết những tồn tại, bất cập nêu

trên. Đồng thời, phương án này cũng giúp minh bạch hóa, quy định rõ ràng về quy trình thủ tục điều tra, áp dụng biện pháp tự vệ.

- *Đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách*: Doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa vào Việt Nam; Doanh nghiệp sản xuất hàng hóa của Việt Nam; Doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh liên quan đến hàng hóa bị đề nghị điều tra; Người tiêu dùng hàng hóa bị đề nghị điều tra.

- *Đối tượng khác chịu sự tác động của chính sách*: CQĐT, các cơ quan liên quan của Bộ Công Thương trực tiếp thực hiện công tác điều tra, áp dụng, và rà soát biện pháp tự vệ.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật*

+ Tác động tích cực: Hoàn thiện hệ thống pháp luật về PVTM bảo đảm thống nhất, đồng bộ, phù hợp các quy tắc và cam kết quốc tế; Bảo đảm tính kế thừa, ổn định và nhất quán trong chính sách.

+ Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực nếu chọn giải pháp này.

- *Tác động về kinh tế - xã hội*

+ Tác động tích cực: có thể giúp giải quyết những tồn tại, bất cập nêu trên. Tạo thuận lợi và có hướng dẫn cụ thể rõ ràng cho các ngành sản xuất trong nước trong việc nộp hồ sơ yêu cầu, áp dụng và rà soát biện pháp tự vệ.

+ Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực nếu chọn giải pháp này.

- *Tác động về thủ tục hành chính*: Giải pháp này không làm phát sinh thủ tục hành chính.

- *Tác động về giới*: Giải pháp này không có tác động về giới.

### **2.3. Lựa chọn giải pháp**

Qua phân tích đánh giá các tác động của chính sách, mặt tích cực và tiêu cực của các giải pháp, Bộ Công Thương đề xuất lựa chọn Phương án 2: Sửa đổi, bổ sung các quy định về quy trình thủ tục điều tra, áp dụng biện pháp tự vệ tại Nghị định 10/2018/NĐ-CP để hoàn thiện hành lang pháp lý đối với việc điều tra, áp dụng và rà soát các biện pháp tự vệ đối với hàng hóa nước ngoài nhập khẩu vào Việt Nam.

## **3. Chính sách 3: Các quy định về điều tra chống lẩn tránh biện pháp PVTM**

### **3.1. Xác định vấn đề và mục tiêu giải quyết vấn đề**

Điều 73 Nghị định 10/2018/NĐ-CP quy định về 05 trường hợp áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp PVTM (khoản 1 đến khoản 5). Theo đó, các Điều 74,

76, 77 của Nghị định quy định cụ thể về 03 trường hợp, căn cứ để điều tra và xác định hành vi lẩn tránh. Tuy nhiên, 02 trường hợp còn lại của Điều 73 (khoản 4 và khoản 5) chưa được quy định cụ thể. Ngoài ra, quy trình thủ tục về tiến hành điều tra, rà soát hành vi lẩn tránh biện pháp PVTM chưa có, trong quá trình điều tra áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp PVTM đã nảy sinh nhiều bất cập, cụ thể như sau:

Việc sửa đổi bổ sung quy định chi tiết về 02 trường hợp tại Khoản 4 và Khoản 5 Điều 73 về: “Hành vi lẩn tránh biện pháp PVTM bằng việc chuyển tải thông qua một hoặc nhiều nước khác nhau” và “Hành vi lẩn tránh biện pháp PVTM thông qua thay đổi nhà sản xuất để hưởng lợi từ mức áp dụng biện pháp PVTM thấp hơn mức đang áp dụng” là rất cần thiết. Đây là căn cứ và hướng dẫn quan trọng để CQĐT xác định hành vi lẩn tránh của doanh nghiệp.

Đồng thời, việc sửa đổi, bổ sung rõ nội dung về giá trị sản xuất, lắp ráp gia tăng tại Việt Nam là không đáng kể cũng cần phải làm rõ hơn, tránh việc quy định chung chung như hiện tại, dựa trên việc đánh giá các yếu tố như:

- Mức độ đầu tư phục vụ sản xuất tại Việt Nam;
- Mức độ nghiên cứu và phát triển sản phẩm tại Việt Nam;
- Các trang thiết bị đầu tư thêm để phục vụ sản xuất tại Việt Nam;
- Các yếu tố khác biệt cấu thành quy trình sản xuất sản phẩm tại Việt Nam.

Ngoài vấn đề nêu trên, Nghị định 10/2018/NĐ-CP chưa có các điều khoản riêng quy định về quy trình điều tra một vụ việc chống lẩn tránh. Điều này dẫn đến khó khăn cho CQĐT khi phát hiện vụ việc có dấu hiệu hành vi lẩn tránh. Trên cơ sở đó, rất cần thiết phải bổ sung thêm các điều khoản cụ thể về: Quyết định điều tra và không tiến hành điều tra chống lẩn tránh biện pháp PVTM; Nội dung điều tra chống lẩn tránh biện pháp PVTM; Đánh giá sự suy giảm hiệu quả biện pháp PVTM đối với ngành sản xuất trong nước; Bản câu hỏi điều tra chống lẩn tránh biện pháp PVTM; Chọn mẫu điều tra; Áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp PVTM tạm thời; Áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp PVTM chính thức.

Ngoài ra, để bảo đảm việc các đối tượng được loại trừ việc áp dụng biện pháp chống lẩn tránh này không có khả năng lẩn tránh hoặc gian lận trong quá trình thực thi biện pháp PVTM sau khi quyết định áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp PVTM có hiệu lực thì cần có quy định bổ sung nội dung đối với thủ tục, hồ sơ kiểm tra và áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp PVTM, cũng như nghĩa vụ thông báo với CQĐT.

*Mục tiêu giải quyết vấn đề:*

Sửa đổi và làm rõ một số nội dung còn vướng mắc, bất cập trong Nghị định 10/2018/NĐ-CP để công tác điều tra, áp dụng, rà soát biện pháp chống lẩn tránh biện pháp PVTM được hiệu quả, quy trình thủ tục rõ ràng, đồng thời bổ sung một số trường hợp quy định cụ thể mà Nghị định 10/2018/NĐ-CP chưa đề cập đến.

### **3.2. Các giải pháp và đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan**

**Phương án 1.** Giữ nguyên quy định tại Nghị định 10/2018/NĐ-CP.

- *Đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách:* Doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa vào Việt Nam; Doanh nghiệp sản xuất hàng hóa của Việt Nam; Doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh liên quan đến hàng hóa bị đề nghị điều tra; Người tiêu dùng hàng hóa bị đề nghị điều tra.

- *Đối tượng khác chịu sự tác động của chính sách:* CQĐT, các cơ quan liên quan của Bộ Công Thương trực tiếp thực hiện công tác điều tra, áp dụng, và rà soát biện pháp chống lẩn tránh biện pháp PVTM.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật*

+ Tác động tích cực: Không có tác động tích cực nếu chọn giải pháp này.

+ Tác động tiêu cực: Chưa phù hợp với quy định WTO. Nhà nước ban hành thêm các văn bản pháp quy để khắc phục những bất cập còn tồn tại, bổ sung quy định hướng dẫn cụ thể trong quá trình thực thi.

- *Tác động về kinh tế - xã hội*

+ Tác động tích cực: Không làm phát sinh chi phí nghiên cứu sửa đổi, bổ sung.

+ Tác động tiêu cực: Tiếp tục phát sinh bất cập và khó khăn cho cơ quan thực thi trong quá trình điều tra áp dụng biện pháp lẩn tránh biện pháp PVTM.

- *Tác động về thủ tục hành chính:* Giải pháp này không làm phát sinh thủ tục hành chính.

- *Tác động về giới:* Giải pháp này không có tác động về giới.

**Phương án 2.** Sửa đổi, bổ sung các quy định về xác định hành vi lẩn tránh biện pháp PVTM, quy trình thủ tục điều tra, rà soát hành vi lẩn tránh biện pháp PVTM tại Nghị định 10, cụ thể như sau:

(i) *Sửa đổi, bổ sung quy định về việc xác định hàng hóa thuộc đối tượng điều tra lẩn tránh biện pháp PVTM.*

(ii) Quy định chi tiết các yếu tố để xác định giá trị sản xuất, lắp ráp gia tăng tại Việt Nam là không đáng kể; Các yếu tố để xác định như thế nào là thay đổi không đáng kể.

(iii) Bổ sung điều khoản quy định cụ thể trường hợp hành vi lẩn tránh biện pháp PVTM bằng việc chuyển tải thông qua một hoặc nhiều nước khác nhau; Hành vi lẩn tránh biện pháp PVTM thông qua thay đổi nhà sản xuất để hưởng lợi từ mức thuế PVTM thấp hơn mức đang áp dụng.

Đối với quy trình, thủ tục điều tra, áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp PVTM và rà soát hành vi lẩn tránh biện pháp PVTM

(i) Quy định cụ thể thành các tiêu mục như tiêu mục về Hồ sơ yêu cầu, trong đó bổ sung thêm các điều khoản như đối tượng nộp hồ sơ yêu cầu điều tra chống lẩn tránh, nội dung thẩm định hồ sơ yêu cầu, tham vấn trong quá trình điều tra.

(ii) Quy định tiêu mục về quy trình điều tra và áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp PVTM, trong đó có đầy đủ các nội dung như quyết định về việc điều tra hoặc không điều tra áp dụng biện pháp chống lẩn tránh, nội dung điều tra chống lẩn tránh, đánh giá sự suy giảm hiệu quả biện pháp PVTM đối với ngành sản xuất trong nước, bản câu hỏi điều tra, chọn mẫu điều tra, áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp PVTM tạm thời và áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp PVTM chính thức.

(iii) Quy định bổ sung nội dung đối với thủ tục, hồ sơ kiểm tra và áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp PVTM, cũng như nghĩa vụ thông báo với CQĐT để bảo đảm việc các đối tượng được loại trừ việc áp dụng biện pháp chống lẩn tránh này không có khả năng lẩn tránh biện pháp PVTM sau khi quyết định áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp PVTM có hiệu lực thì cần

(iv) Bổ sung các quy định liên quan đến rà soát hành vi lẩn tránh biện pháp PVTM và quy trình, thủ tục, điều tra rà soát hành vi lẩn tránh biện pháp PVTM.

Sửa đổi, bổ sung các quy định về quy trình thủ tục điều tra, áp dụng biện pháp lẩn tránh biện pháp PVTM tại Nghị định 10/2018/NĐ-CP có thể giúp giải quyết những tồn tại, bất cập nêu trên. Đồng thời, phương án này cũng giúp minh bạch hóa, quy định rõ ràng về quy trình thủ tục điều tra, áp dụng biện pháp lẩn tránh biện pháp PVTM.

- Đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách: Doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa vào Việt Nam; Doanh nghiệp sản xuất hàng hóa của Việt Nam; Doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh liên quan đến hàng hóa bị đề nghị điều tra; Người tiêu dùng hàng hóa bị đề nghị điều tra.

- *Đối tượng khác chịu sự tác động của chính sách:* CQĐT, các cơ quan liên quan của Bộ Công Thương trực tiếp thực hiện công tác điều tra, áp dụng, và rà soát biện pháp chống lẩn tránh biện pháp PVTM.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật*

+ Tác động tích cực: Hoàn thiện hệ thống pháp luật về PVTM bảo đảm thống nhất, đồng bộ, phù hợp các quy tắc và cam kết quốc tế; Bảo đảm tính kế thừa, ổn định và nhất quán trong chính sách.

+ Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực nếu chọn giải pháp này.

- *Tác động về kinh tế - xã hội*

+ Tác động tích cực: có thể giúp giải quyết những tồn tại, bất cập nêu trên. Tạo thuận lợi và có hướng dẫn cụ thể rõ ràng cho các ngành sản xuất trong nước trong việc nộp hồ sơ yêu cầu, áp dụng và rà soát biện pháp chống lẩn tránh biện pháp PVTM.

+ Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực nếu chọn giải pháp này.

- *Tác động về thủ tục hành chính:* Giải pháp này không làm phát sinh thủ tục hành chính.

- *Tác động về giới:* Giải pháp này không có tác động về giới.

### **3.3. Lựa chọn giải pháp**

Qua phân tích đánh giá các tác động của chính sách, mặt tích cực và tiêu cực của các giải pháp, Bộ Công Thương đề xuất lựa chọn Phương án 2: Sửa đổi, bổ sung các quy định về quy trình thủ tục điều tra, áp dụng và rà soát biện pháp chống lẩn tránh biện pháp PVTM tại Nghị định 10/2018/NĐ-CP để hoàn thiện hành lang pháp lý đối với việc điều tra, áp dụng và rà soát các biện pháp tự vệ đối với hàng hóa nước ngoài nhập khẩu vào Việt Nam.

## **4. Chính sách 4: Các quy định đối với xử lý biện pháp PVTM áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam**

### **4.1. Xác định vấn đề và mục tiêu giải quyết vấn đề**

Điều 89 Nghị định 10/2018/NĐ-CP quy định về việc xây dựng phương án yêu cầu bồi thường, trả đũa trong trường hợp thương nhân Việt Nam bị nước nhập khẩu điều tra áp dụng biện pháp tự vệ. Điều này quy định về 02 (quyền): quyền bồi thường và quyền trả đũa khi không thỏa thuận được phương án về bồi thường; đơn vị chủ trì, xem xét xây dựng và thực thi phương án yêu cầu bồi thường, trả đũa là Bộ Công Thương; đơn vị phối hợp với Bộ Công Thương là Bộ, cơ quan ngang Bộ, tổ chức, cá



nhân có liên; thẩm quyền quyết định lựa chọn phương án bồi thường, trả đũa là Thủ tướng Chính phủ.

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy quy định về phối hợp còn mang tính tổng quát, chưa quy định rõ (i) về vai trò của đơn vị chủ trì; (ii) mức độ và thời hạn phối hợp của một số đơn vị phối hợp quan trọng và các đơn vị phối hợp khác trong quá trình xây dựng Tờ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt phương án yêu cầu bồi thường, trả đũa; và (iii) tồn tại bất cập về thời điểm xây dựng phương án trả đũa. Đối với phương án trả đũa, Điều 89 hiện quy định việc chỉ xây dựng phương án trả đũa trong trường hợp không đạt được thỏa thuận về bồi thường, quy định này làm chậm quá trình thực hiện quyền trả đũa của Việt Nam.

*Mục tiêu giải quyết vấn đề:*

Sửa đổi, bổ sung theo hướng quy định rõ về vai trò của đơn vị chủ trì; mức độ và thời hạn phối hợp của một số đơn vị phối hợp quan trọng và các đơn vị phối hợp khác trong quá trình xây dựng Tờ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt phương án yêu cầu bồi thường, trả đũa để có thể triển khai quyền yêu cầu bồi thường, trả đũa đã được quy định tại Hiệp định về các biện pháp Tự vệ của WTO.

**4.2. Các giải pháp và đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan**

**Phương án 1.** Giữ nguyên quy định tại Nghị định 10/2018/NĐ-CP.

- *Đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách:* Doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam; Doanh nghiệp kinh doanh liên quan đến hàng hóa bị áp dụng biện pháp tự vệ của nước ngoài.

- *Đối tượng khác chịu sự tác động của chính sách:* Cơ quan quản lý nhà nước, Hiệp hội và các cơ quan liên quan của Bộ Công Thương trực tiếp thực hiện công tác xử lý các vụ kiện PVTM nước ngoài.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật*

+ Tác động tích cực: Không có tác động tích cực nếu chọn giải pháp này.

+ Tác động tiêu cực: Nhà nước ban hành thêm các văn bản pháp quy để khắc phục những bất cập còn tồn tại, bổ sung quy định hướng dẫn cụ thể trong quá trình thực thi.

- *Tác động về kinh tế - xã hội*

+ Tác động tích cực: Không làm phát sinh chi phí nghiên cứu sửa đổi, bổ sung.

+ Tác động tiêu cực: Gây khó khăn, chậm trễ trong triển khai quyền yêu cầu bồi thường, trả đũa đã được quy định tại Hiệp định về các biện pháp Tự vệ của WTO.

- *Tác động về thủ tục hành chính*: Giải pháp này không làm phát sinh thủ tục hành chính.

- *Tác động về giới*: Giải pháp này không có tác động về giới.

**Phương án 2.** Sửa đổi, bổ sung quy định chi tiết Điều 89 của Nghị định 10/2018/NĐ-CP để làm rõ về vai trò của đơn vị chủ trì; mức độ và thời hạn phối hợp của một số đơn vị phối hợp quan trọng và các đơn vị phối hợp khác trong quá trình xây dựng phương án yêu cầu bồi thường, trả đũa đã được quy định tại Hiệp định về các biện pháp Tự vệ của WTO.

Phương án này giúp làm rõ về vai trò từng đơn vị tham gia, thời gian thực hiện và minh bạch hóa về quy trình, thủ tục, hình thức phối hợp giữa các đơn vị có liên quan.

- *Đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách*: Doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam; Doanh nghiệp kinh doanh liên quan đến hàng hóa bị áp dụng biện pháp tự vệ của nước ngoài.

- *Đối tượng khác chịu sự tác động của chính sách*: Cơ quan quản lý nhà nước, Hiệp hội và các cơ quan liên quan của Bộ Công Thương trực tiếp thực hiện công tác xử lý các vụ kiện PVTM nước ngoài.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật*

+ Tác động tích cực: Hoàn thiện hệ thống pháp luật về PVTM bảo đảm thống nhất, đồng bộ, phù hợp các quy tắc và cam kết quốc tế; Bảo đảm tính kế thừa, ổn định và nhất quán trong chính sách.

+ Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực nếu chọn giải pháp này.

- *Tác động về kinh tế - xã hội*

+ Tác động tích cực: Tạo thuận lợi và có hướng dẫn cụ thể rõ ràng cho các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác xử lý các vụ kiện PVTM nước ngoài, thông qua đó bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu của Việt Nam.

+ Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực nếu chọn giải pháp này.

- *Tác động về thủ tục hành chính*: Giải pháp này không làm phát sinh thủ tục hành chính.

- *Tác động về giới*: Giải pháp này không có tác động về giới.

### **4.3. Kiến nghị giải pháp lựa chọn**

Qua phân tích đánh giá các tác động của chính sách, mặt tích cực và tiêu cực của các giải pháp, Bộ Công Thương đề xuất lựa chọn Phương án 2: Sửa đổi, bổ sung Nghị định 10/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ để hoàn thiện hành lang pháp lý đối với việc xử lý vụ kiện PVTM nước ngoài đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam.

## **III. PHỤ LỤC**

### **1. Lấy ý kiến**

Quá trình xây dựng dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách đối với đề nghị sửa đổi, bổ sung Nghị định 10/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp PVTM, Bộ Công Thương đã tham khảo ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức có liên quan và một số chuyên gia có kinh nghiệm bằng phương pháp lấy ý kiến bằng văn bản.

Bộ Công Thương đã có văn bản số 3352/BCT-PVTM ngày 14/6/2022 gửi các Bộ, ngành, địa phương về việc nghiên cứu, rà soát, đánh giá tình hình thực thi Nghị định số 10/2018/NĐ-CP. Sau thời hạn trả lời, Bộ Công Thương đã nhận được ý kiến của 04 Bộ ngành và 54 địa phương đối với việc tình hình thực thi Nghị định 10/2018/NĐ-CP và các kiến nghị kèm theo (*các ý kiến chi tiết được trình bày cụ thể tại Phụ lục của Báo cáo này*).

Theo đó, Bộ Công Thương đã nhận được 58 ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, chủ yếu tập trung vào 03 vấn đề chính như sau:

(i) Phần lớn doanh nghiệp nhỏ và vừa nên các doanh nghiệp chưa chú trọng và công tác tìm hiểu pháp luật về PVTM;

(ii) Công tác tuyên truyền, thông tin pháp luật về PVTM còn hạn chế;

(iii) Năng lực của các cán bộ thực hiện công tác theo dõi, hỗ trợ công tác PVTM tại các địa phương chưa được nâng cao.

Đồng thời, các ý kiến đưa ra 03 nhóm kiến nghị chính:

(i) Đề nghị tổ chức tập huấn, đào tạo, hội thảo, hội nghị để tuyên truyền thông tin về pháp luật PVTM;

(ii) Cập nhật kịp thời danh sách cảnh báo sớm các mặt hàng có nguy cơ bị nước ngoài kiện cho các địa phương và doanh nghiệp;

(iii) Rà soát, hoàn thiện hệ thống các quy định văn bản pháp luật về PVTM, sửa đổi, bổ sung các quy định gây khó khăn cho doanh nghiệp Việt Nam.

Trên cơ sở đó, trong quá trình xây dựng Báo cáo này và Dự thảo Nghị định, Bộ Công Thương đã tiếp thu ý kiến của các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về các vấn đề và các kiến nghị được nêu. Bộ Công Thương cũng đã tổ chức các hội thảo lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị, Hiệp hội và doanh nghiệp tại các địa phương (Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh).

## 2. Phụ lục

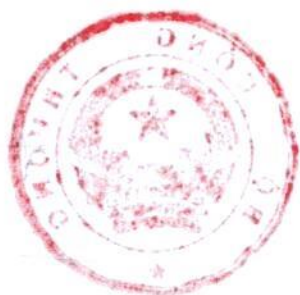
- Phụ lục: Danh mục các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên được rà soát và đánh giá tính tương thích./.

### *Nơi nhận:*

- Chính phủ;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- VPCP;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, PVTM (4).



**Nguyễn Hồng Diên**



## PHỤ LỤC

### Danh mục các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên được rà soát và đánh giá tính tương thích

*(Kèm theo Báo cáo Đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 10/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại)*

STT	FTA	Hiện trạng	Đối tác	Đánh giá tính tương thích với Nghị định
1	<b>Các Hiệp định của WTO</b>	Hiệp định về CBPG (Điều VI của GATT 1994) (Có hiệu lực) Hiệp định về Trợ cấp và các Biện pháp đối kháng (Có hiệu lực) Hiệp định về các Biện pháp tự vệ (Có hiệu lực)	Các thành viên WTO	Phù hợp
2	<b>AFTA</b>	Có hiệu lực từ 1993	ASEAN	Phù hợp
3	<b>ACFTA</b>	Có hiệu lực từ 2003	ASEAN, Trung Quốc	Phù hợp
4	<b>AKFTA</b>	Có hiệu lực từ 2007	ASEAN, Hàn Quốc	Phù hợp
5	<b>AJCEP</b>	Có hiệu lực từ 2008	ASEAN, Nhật Bản	Phù hợp

STT	FTA	Hiện trạng	Đối tác	Đánh giá tính tương thích với Nghị định
6	VJEPA	Có hiệu lực từ 2009	Việt Nam, Nhật Bản	Phù hợp
7	AIFTA	Có hiệu lực từ 2010	ASEAN, Ấn Độ	Phù hợp
8	AANZFTA	Có hiệu lực từ 2010	ASEAN, Australia, New Zealand	Phù hợp
9	VCFTA	Có hiệu lực từ 2014	Việt Nam, Chi Lê	Phù hợp
10	VKFTA	Có hiệu lực từ 2015	Việt Nam, Hàn Quốc	Phù hợp
11	VN – EAEU FTA	Có hiệu lực từ 2016	Việt Nam, Nga, Belarus, Armenia, Kazakhstan, Kyrgyzstan	Phù hợp
12	CPTPP (Tiền thân là TPP)	Có hiệu lực từ 30/12/2018, có hiệu lực tại Việt Nam từ 14/1/2019	Việt Nam, Canada, Mexico, Peru, Chi Lê, New Zealand, Australia, Nhật Bản, Singapore,	Phù hợp

STT	FTA	Hiện trạng	Đối tác	Đánh giá tính tương thích với Nghị định
			Brunei, Malaysia, Vương quốc Anh (ký Nghị định thư gia nhập ngày 16/07/2023)	
13	AHKFTA	Có hiệu lực tại Hong Kong (Trung Quốc), Lào, Myanmar, Thái Lan, Singapore và Việt Nam từ 11/06/2019. Có hiệu lực đầy đủ với toàn bộ các nước thành viên từ ngày 12/02/2021.	ASEAN, Hong Kong (Trung Quốc)	Phù hợp
14	EVFTA	Có hiệu lực từ 01/08/2020	Việt Nam, EU (27 thành viên)	Phù hợp
15	UKVFTA	Có hiệu lực tạm thời từ 01/01/2021, có hiệu lực chính thức từ 01/05/2021	Việt Nam, Vương quốc Anh	Phù hợp
16	RCEP	Có hiệu lực từ 01/01/2022	ASEAN, Trung Quốc, Hàn Quốc,	Phù hợp



STT	FTA	Hiện trạng	Đối tác	Đánh giá tính tương thích với Nghị định
			Nhật Bản, Australia, New Zealand	
17	VIFTA	Chính thức ký kết ngày 25/07/2023	Việt Nam, Israel	Phù hợp
18	CEPA Việt Nam – UAE	Đã cơ bản kết thúc đàm phán	Việt Nam, các Tiểu Vương quốc Ả-rập Thống nhất (UAE)	Phù hợp